

Số: 01 /2025/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP

ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi hưu;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 1033/TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức,

viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; trường hợp phụ trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng; trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-BPC ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc thực hiện

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc; thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý thấp hơn; được tăng cường đi công tác ở cơ sở khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị; do không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cấp xã; các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố;

b) Các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; thuộc các sở, ngành Thành phố; thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, tinh gọn bộ máy;

b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm theo quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 bao gồm: người ký hợp đồng lần đầu làm việc các công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và sự nghiệp công lập; người ký hợp đồng lần đầu làm việc các công việc chuyên môn, nghiệp vụ hoặc người làm việc trong chỉ tiêu biên chế trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao

động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức (sau đây gọi chung là người lao động);

đ) Các trường hợp là người quản lý doanh nghiệp nhà nước, cán bộ chuyên trách công tác đảng tại Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức đơn vị trong hệ thống chính trị thuộc Thành phố sau sắp xếp theo đúng quy định;

b) Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ hỗ trợ thêm tại các Nghị quyết khác nhau của Hội đồng nhân dân Thành phố thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ thêm cao nhất.

Điều 2. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/NĐ-CP của Chính phủ

1. Hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi có thời gian công tác còn dưới 02 năm so với tuổi nghỉ hưu (theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ) tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

a) Trợ cấp thêm 12 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

2. Hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi có thời gian công tác còn đủ 02 năm đến đủ 5 năm so với tuổi nghỉ hưu (theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

a) Trợ cấp thêm 12 tháng tiền lương hiện hưởng;

b) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định (tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ);

c) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

3. Hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ hưu trước tuổi có thời gian công tác còn trên 5 năm đến đủ 10 năm so với tuổi nghỉ hưu (theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ).

- a) Trợ cấp thêm 12 tháng tiền lương hiện hưởng;
- b) Trợ cấp thêm 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ;
- c) Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

4. Cách xác định thời gian và tiền lương hiện hưởng để thực hiện chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ thôi việc theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ

- 1. Trợ cấp thêm 18 tháng tiền lương hiện hưởng;
- 2. Trợ cấp thêm 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc;
- 3. Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.
- 4. Cách xác định thời gian và tiền lương hiện hưởng để thực hiện chính sách theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bị tác động khi thực hiện sắp xếp tổ chức đảng

- 1. Hỗ trợ thêm 03 tháng tiền lương tối thiểu vùng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- 2. Mức hỗ trợ thêm thực hiện trên cơ sở khả năng cân đối của doanh nghiệp, nguồn kinh phí giải quyết chế độ hỗ trợ thêm từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 5. Một số chế độ hỗ trợ thêm khác đối với trường hợp thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 11, Điều 12 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ

- 1. Cán bộ kéo dài thời gian công tác theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ nếu nghỉ hưu thì được hỗ trợ thêm trợ cấp hưu trí một lần bằng 30 tháng tiền lương hiện hưởng.
- 2. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý khi thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bầu cử, bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thấp hơn khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại thì được hưởng chế độ thêm bằng 02 lần mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời hạn bổ nhiệm. Trường hợp đã giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm còn dưới 06 tháng thì được bảo lưu 06 tháng.

3. Chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức tăng cường đi công tác ở cơ sở

a) Hỗ trợ thêm một lần bằng 10 tháng tiền lương hiện hưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị Thành phố được cấp có thẩm quyền cử tăng cường đi công tác ở cấp xã trong thời gian 03 năm.

b) Hỗ trợ thêm một lần bằng 05 tháng tiền lương hiện hưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống chính trị Thành phố được cấp có thẩm quyền cử tăng cường đến làm việc tại cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp huyện.

Điều 6. Chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ

1. Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;

2. Trợ cấp thêm 06 tháng tiền lương hiện hưởng cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng. Trường hợp đủ mười lăm năm công tác trở lên có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm thôi việc, nghỉ hưu thì được trợ cấp 06 tháng tiền lương hiện hưởng đối với mười lăm năm đầu công tác; từ năm thứ mười sáu trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

3. Tiền lương hiện hưởng để thực hiện chính sách theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và đơn vị sự nghiệp (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) kinh phí để tổ chức thực hiện Nghị quyết từ nguồn cải cách tiền lương của Thành phố và nguồn ngân sách Thành phố bố trí theo phân cấp ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên), Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do đơn vị chi trả từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 8. Thời gian thực hiện chế độ hỗ trợ thêm

1. Chế độ hỗ trợ thêm theo quy định tại Điều 2, 3, 5 của Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành đối với các trường hợp nghỉ hưu sớm, nghỉ thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp của hệ thống chính trị.

2. Chế độ hỗ trợ thêm theo quy định tại Điều 2, 3, 4, 6 đối với các trường hợp thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn Thành phố; các Tổng công ty, Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bị tác động khi thực hiện cơ cấu lại, sắp xếp tổ chức đảng và không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ được thực hiện kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp giải quyết chính sách, chế độ ngay trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, sắp xếp tổ chức đảng của cấp có thẩm quyền được hưởng nguyên mức hỗ trợ thêm tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này. Trường hợp giải quyết chính sách, chế độ từ tháng thứ 13 theo quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại, sắp xếp tổ chức đảng của cấp có thẩm quyền được hưởng bằng 0,5 mức hỗ trợ thêm tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này.

2. Việc thực hiện chế độ hỗ trợ thêm quy định tại Điều 2, 3, 4, 5, 6 của Nghị quyết này căn cứ theo quyết định giải quyết chế độ, chính sách của cấp có thẩm quyền quản lý và áp dụng cho các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2025.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 4 Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chế độ hỗ trợ thêm đối với trường hợp nghỉ do tình giản biên chế; nghỉ do dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính; nghỉ công tác trước tuổi do không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ; nghỉ công tác trước tuổi không thuộc diện tình giản biên chế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp đã giải quyết hưởng chế độ hỗ trợ thêm theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này ban hành thì không được hưởng chế độ hỗ trợ thêm quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Khóa X Kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;
- UBND Thành phố: CT, PCT Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Ban Pháp chế HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN TP. Thủ Đức và 05 huyện;
- UBND, UBMTTQVN 16 quận;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, (BPC-Th).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lệ